

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 376/TTr-STNMT ngày 29/10/2024 (kèm theo hồ sơ xin cấp Giấy phép môi trường của Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Mường Ảng).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Mường Ảng, địa chỉ tại Bản Hón, thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Khu xử lý rác thải rắn sinh hoạt xã Búng Lao, huyện Mường Ảng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu xử lý rác thải rắn sinh hoạt xã Búng Lao, huyện Mường Ảng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Bản Pá Sáng, Xã Búng Lao, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

1.3. Quyết định liên quan dự án: Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và chủ đầu tư các dự án dự kiến khởi công mới năm 2023 và năm 2024 của 03 chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xử lý rác thải rắn sinh hoạt.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích đất triển khai thực hiện dự án: 4,5 ha, bao gồm các hạng mục:

+ Giai đoạn 1: Nhà tập kết, phân loại rác diện tích 775,9 m²; nhà điều hành kết hợp nhà ở nhân viên diện tích 87,4 m²; ô chôn lấp tro xỉ diện tích miệng hố 3.089 m²; khu xử lý nước thải diện tích 39,86 m²; hồ lọc sinh học kích thước 24,5x11,89x1,5m có thể tích khoảng 436,95 m³ (diện tích 291,3 m²); bể lọc kết hợp bể chứa nước kích thước 4x4x1,9m có thể tích khoảng 30 m³ (diện tích 16 m²); còn lại là đất đường giao thông công vụ, đường nội bộ và diện tích trồng cây xanh.

+ Giai đoạn 2: Lắp đặt lò đốt rác công suất 02 tấn/h tương đương 40 tấn/ngày (gồm 02 lò đốt, công suất 01 tấn/h/lò, hoạt động 20 h/ngày/lò).

- Quy mô: Thuộc dự án nhóm C (có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ Giai đoạn 1: Thu gom, phân loại và trung chuyển rác về bãi rác Tuấn Giáo với công suất 20 tấn/ngày, đêm (từ năm 2025 đến năm 2030).

+ Giai đoạn 2: Thu gom, phân loại, ủ rác và đốt toàn bộ với công suất 40 tấn/ngày, đêm (từ năm 2031).

- Tổng vốn đầu tư: 39 tỷ đồng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Mường Ảng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng và đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, khí thải.

2.2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 30/10/2024 đến ngày 30/10/2034).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Mường Ảng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án Khu xử lý rác thải rắn sinh hoạt xã Búng Lao, huyện Mường Ảng theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Mường Ảng;
- Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Mường Ảng (02 bản);
- UBND xã Búng Lao;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị;
- Lưu VT, KTN_(LNH)

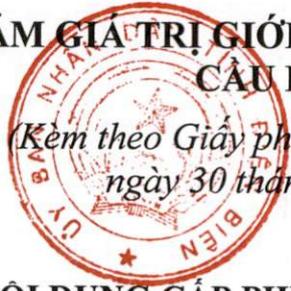
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Thành Đô

Phụ lục 1
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1953 /GPMT-UBND
ngày 30 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh của cán bộ công nhân viên.
- Nguồn số 02: Nước thải rỉ rác từ khu tiếp nhận, tập kết và phân loại.
- Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động rửa xe vận chuyển rác.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: khu vực suối Nậm Cồ

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Khu vực suối Nậm Cồ, xã Búng Lao, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $103^{\circ}00'$, múi chiếu 3°): X (m) = 2381460; Y (m) = 528462.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $10 \text{ m}^3/\text{ngày,đêm}$; tương đương $0,42 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày,đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn QCVN 25:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt (cột B), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 25:2009/BTNMT Cột B2	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	COD	mg/L	50	Tần suất 03 tháng/lần trong giai đoạn hoạt động	Không thuộc đối tượng bắt buộc
2	BOD ₅	mg/L	30		
3	Tổng nitơ	mg/L	15		
4	Amoni	mg/L	5		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

* Giai đoạn xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ các hoạt động sinh hoạt của các công nhân xây dựng phát sinh khoảng $04 \text{ m}^3/\text{ngày,đêm}$. Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh gây bệnh (Coliform, E.Coli) được thu gom, xử lý bằng 02 nhà vệ sinh di động bằng vật liệu composite, khi bể chứa nước thải đầy tiến hành hợp đồng với đơn vị chức năng trên địa bàn đến hút và vận chuyển và đem đi xử lý.

- Nước thải xây dựng, nguồn phát sinh nước thải chủ yếu là từ rửa thiết bị, dụng cụ thi công xây dựng phát sinh khoảng $03 \text{ m}^3/\text{ngày,đêm}$; được thu gom rãnh thoát nước mưa và có bố trí bể lắng cặn lơ lửng có thể tích 05 m^3 trước khi chảy ra suối Nậm Cồ, thường xuyên quét dọn để đảm bảo vệ sinh tại công trường, hạn chế tối đa các vật liệu rơi vãi. thường xuyên kiểm tra, nạo vét và khơi thông các đường rãnh thoát nước và bể lắng đảm bảo không có các loại rác thải, đất đá cản trở dòng chảy vào mùa mưa.

* Giai đoạn đi vào vận hành:

- Nước thải từ hoạt động sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh của cán bộ, công nhân của nhà máy phát sinh khoảng $1,8 \text{ m}^3/\text{ngày,đêm}$ được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn có thể tích 03 m^3 . Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại, được dẫn theo đường ống PVC D150mm kết nối với đường ống nước thải sản xuất, dẫn về khu xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải sản xuất: Nước rỉ rác từ khu phân loại rác được thu gom vào các hố ga loại 1 kích thước $0,8 \times 0,8 \times 0,95 \text{ m}$ (07 hố), hố ga loại 2 kích thước $1,5 \times 1,5 \times 2,85 \text{ m}$ (03 hố) được thu gom bằng đường ống HDPE D150-300mm với tổng chiều dài $222,25 \text{ m}$ về khu xử lý nước thải tập trung để xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

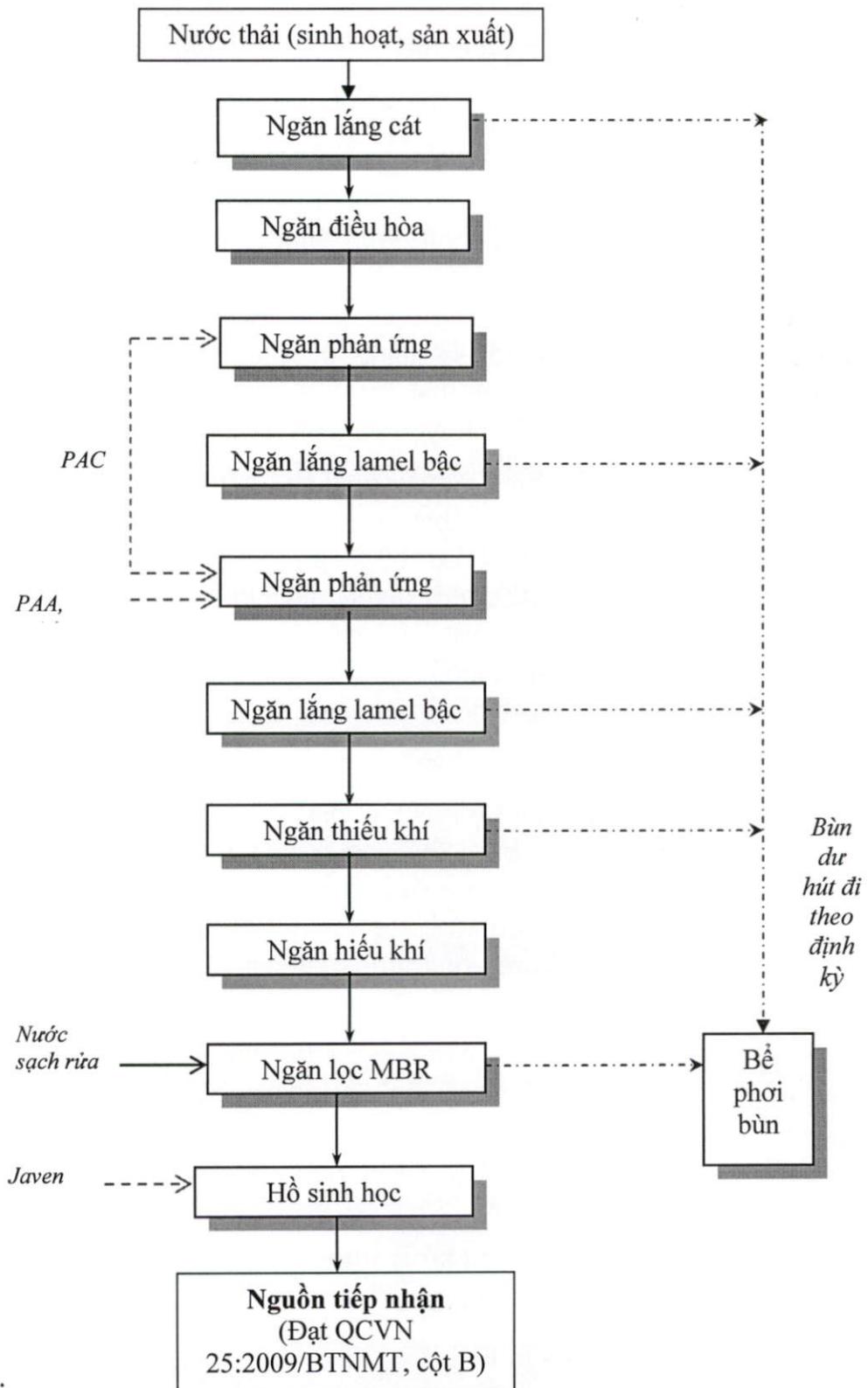
1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

- Số lượng: 01 bể tự hoại 3 ngăn:
- Vị trí: Bố trí 01 bể tại khu vực nhà điều hành.
- Dung tích thiết kế: 03 m^3 .

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải:

- Số lượng: 01 hệ thống xử lý nước thải
- Công suất thiết kế $10 \text{ m}^3/\text{ngày,đêm}$.

Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của nhà máy



- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất → ngăn lắng cát → ngăn điều hòa → ngăn phản ứng bậc 1 → ngăn lắng bậc 1 → ngăn phản ứng bậc 2 → ngăn lắng bậc 2 → ngăn thiếu khí → ngăn hiếu khí → ngăn lọc MBR → hồ sinh học → Nguồn tiếp nhận.

- Nước sau xử lý tại hồ chứa nước thải: Đạt QCVN 25:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt (cột B).

- Hóa chất sử dụng:

STT	Hóa chất	Đơn vị	Khối lượng/tháng	Mục đích sử dụng
I	Giai đoạn 1			
1	Chế phẩm khử mùi EM	Kg	150	Khu tập kết CTSH
II	Giai đoạn 2			
1	Chế phẩm khử mùi EM	Kg	350	Khu tập kết CTSH
2	Hóa chất khử mùi	Kg	200	Ô chôn lấp chất thải

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến bắt đầu vận hành thử nghiệm từ tháng 12/2025 đến tháng 3/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày,đêm.

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Quy chuẩn so sánh	Tần suất lấy mẫu
I	Giai đoạn vận hành ổn định nước thải			
1	- 01 mẫu nước thải trước hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m ³ /ngày đêm	COD, BOD5, Tổng nitơ, Amoni.	QCVN 25:2009/BTNMT (cột B)	Tần suất quan trắc nước thải: 01 ngày
2	- 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m ³ /ngày đêm	COD, BOD5, Tổng nitơ, Amoni.		Tần suất quan trắc nước thải: 03 ngày liên tiếp

- Trong đó: Mẫu tổ hợp được lấy theo thời gian gồm 03 mẫu đơn tại 3 thời điểm khác nhau trong ngày và trộn đều lại với nhau.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.6. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, Chủ đầu tư lập báo cáo kết quả vận hành thực nghiệm gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1958/GPMT-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Khu vực phân loại rác.
- Nguồn số 3: Khu vực xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Trong phạm vi:

Nguồn số	Vị trí phát sinh tiếng ồn	Tọa độ (Hệ VN 2000, kinh tuyến trục 103°00', múi chiếu 3°)	
		X (m)	Y(m)
1	Khu vực phân loại rác	2381437	5284928
2	Khu vực xử lý nước thải	2381492	5284981

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải bảo đảm đáp theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng độ rung; giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tối đa cho phép		Quy chuẩn kỹ thuật môi trường
			Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	Tiếng ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT
2	Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để chống rung cho máy móc thiết bị, ngay từ khi khảo sát thiết kế xây dựng, nhà máy sẽ phải thực hiện các biện pháp sau:

a) Giai đoạn thi công

- Lựa chọn đơn vị thi công có thiết bị và phương tiện thi công cơ giới hiện đại có kỹ thuật cao để vận chuyển vật liệu và thi công công trình. Thường xuyên bảo dưỡng, tra dầu mỡ, bôi trơn các thiết bị có khả năng gây ồn.

- Sử dụng các loại xe, máy thi công phù hợp nhằm đảm bảo về quy chuẩn kỹ thuật tiếng ồn, giảm tốc độ của xe cộ khi qua khu vực dân cư.

- Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì chúng sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở thiết bị.

+ Không thi công và lắp đặt vào giờ nghỉ trưa để giảm thiểu tối đa các tác động, nhất là tiếng ồn đối với các hoạt động sinh hoạt thường ngày của các hộ xung quanh khu vực.

- Biện pháp dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi kim loại, đệm đàn hồi kim loại, gối đàn hồi cao su, đệm đàn hồi cao su...

- Các thiết bị thi công gây tiếng ồn, rung lớn như máy khoan, máy ủi sẽ được giới hạn làm việc trong khoảng thời gian từ 8.00 giờ và 17.00 giờ, không hoạt động ban đêm.

b) Giai đoạn hoạt động:

- Bảo dưỡng thiết bị và máy móc thường xuyên nhằm đảm bảo mức ồn được giữ ở mức thiết kế bởi nhà sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động, nút tai chống ồn cho công nhân lao động.

- Trồng cây xanh xung quanh nhà máy, các bãi trống để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn và ngăn bụi phát tán ra bên ngoài nhà máy đồng thời còn tạo thẩm mỹ và cảnh quan môi trường.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1953/GPMT-UBND
ngày 30 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Khối lượng, chủng loại các loại CTNH phát sinh thường xuyên, như sau:

STT	Chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	
			Giai đoạn 1	Giai đoạn 2
1	Pin, ắc quy thải	16 01 12	6	10
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	45	120
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	30	90
4	Bao bì mềm thải	18 01 01	90	150
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10	15
6	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	5	8
	Tổng cộng		186	393

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường

TT	Thành phần	Đơn vị	Khối lượng
1	Thức ăn thừa	Kg/năm	750
2	Bìa carton, túi nilon thải	Kg/năm	182,5
3	Vỏ lon	Kg/năm	120
	Tổng khối lượng:	Kg/năm	1.052,5

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt tại Dự án xin cấp phép khoảng 1,052 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí bố trí 06 thùng lưu chứa CTNH có dung tích 50-100 lít, có dán nhãn, ghi mã cụ thể để thu gom và lưu chứa CTNH.

- Khu vực lưu chứa: Kho lưu giữ CTNH được bố trí đảm bảo khoảng cách, xa nhà ở công nhân và khu văn phòng có diện tích 12 m². Quy cách: Mặt sàn khu vực lưu giữ đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa; có đánh dốc ra phía rãnh và hồ thu. Khu lưu giữ chất thải nguy hại đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn. Khu lưu giữ được trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về PCCC; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển báo hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Bố trí 03 thùng 40 lít tại khu vực nhà ở của công nhân, hàng ngày sẽ được cho vào khu vực tập kết rác trung của dự án.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ, an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng chống dịch bệnh, sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1953/GPMT-UBND
ngày 30 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền để được kiểm tra và hướng dẫn.

6. Thực hiện chương trình quan trắc và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành; cập nhật, lưu trữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.